**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu số: **01/NĐAT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011 /TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.*

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ NHÀ, ĐẤT**

**( Áp dụng cho tổ chức)**

[**01**]  **Kỳ tính thuế: Năm .....**

[01] Lần đầu 🗆 [02] Bổ sung lần thứ 🗆

|  |
| --- |
| **[03] Tên người nộp thuế:** |
| **[04] Mã số thuế** |
| [05] Địa chỉ:  | Phường/xã: |
|  Quận/huyện:  |  Tỉnh/Thành phố |
| [06] Điện thoại:  | [07] Fax:  | [08] Email: |
| **[09] Đại lý thuế (nếu có)** : |
| **[10] Mã số thuế**:  |
| [11] Địa chỉ:  |
| [12] Quận/huyện: [13] Tỉnh/Thành phố:  |
| [14] Điện thoại: [15] Fax: [16] Email:  |
| [17] Hợp đồng đại lý thuế, số : ngày |
| [18] Địa chỉ (thửa) lô đất chịu thuế: | [19] Phường/xã: |
| [20] Quận/huyện:  | [21] Tỉnh/Thành phố: |
| [22] Diện tích đất chịu thuế: |
| [23] Đất đô thị: |
| [23.1] Loại đô thị: |
| [23.2] Loại đường phố/ khu phố: |
| [23.3] Vị trí thửa đất: |
| [23.4] Mức thuế SDĐNN của hạng đất cao nhất trong vùng: |
| [23.5] Số lần mức thuế SDĐNN của hạng đất cao nhất trong vùng để tính thuế nhà đất: |
| [24] Đất vùng ven đô thị, ven đầu mối giao thông và ven trục giao thông chính: |
| [24.1] Mức thuế SDĐNN của hạng đất cao nhất trong vùng: |
| [24.2] Số lần mức thuế SDĐNN của hạng đất cao nhất trong vùng để tính thuế nhà đất: |
| [25] Đất nông thôn: |
| [25.1] Mức thuế sử dụng đất nông nghiệp trung bình trong xã: |
| [26] Số thuế nhà đất của lô đất tính bằng thóc: [26]=[22]x[24.1]x[24.2] hoặc [26]=[22]x[25.1]): |
| [27] Hệ số phân bổ theo tầng: |
| [28] Số thuế nhà đất trước miễn, giảm tính bằng kg thóc: ([28]=[26]x[27]) |
| [29] Số thuế nhà đất được miễn, giảm: |
| [30] Số thuế nhà đất phải nộp tính bằng thóc: ([30]=[28]-[29]) |
| [31] Số thuế nhà đất phải nộp tính bằng tiền: ([31]=[30] x giá 1 kg thóc) |

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:Chứng chỉ hành nghề số: |  *Ngày......... tháng........... năm..........***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) |

**Ghi chú:**

1. Mỗi tờ khai dùng cho một lô đất

2. Người nộp thuế được miễn, giảm thuế nhà đất theo quy định tại .... (ghi rõ điều, khoản, tên văn bản pháp quy quy định trường hợp được miễn, giảm thuế).

3. Người nộp thuế khai tương ứng theo loại đất: đô thị; vùng ven đô thị...; đất nông thôn để xác định số thuế của lô đất nộp tính bằng thóc.

**Hướng dẫn kê khai một số chỉ tiêu:**

***Chỉ tiêu diện tích đất chịu thuế:*** Chỉ ghi diện tích chịu thuế nhà, đất theo quy định tại các văn bản pháp quy về thuế nhà đất. Trường hợp lô đất có một phần chịu thuế nhà đất, một phần chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp hoặc tiền thuê đất thì chỉ ghi diện tích phần chịu thuế nhà đất. Trường hợp người nộp thuế có đất sử dụng chung với người khác thì ghi phần diện tích mà người nộp thuế có trách nhiệm nộp thuế.

***Chỉ tiêu hệ số phân bổ tầng***: Nếu là đất sử dụng độc lập thì là 1; nếu là đất dùng chung cho nhà cao tầng thì ghi tương ứng với hệ số tầng mà người nộp thuế sử dụng.

***Chỉ tiêu số thuế nhà, đất được miễn, giảm:***  Nếu được miễn thì ghi 100%; Nếu được giảm thì ghi theo tỷ lệ % được giảm. Người nộp thuế phải gửi kèm theo tài liệu chứng minh thuộc diện được miễn, giảm thuế nhà đất.

***Chỉ tiêu số thuế nhà, đất phải nộp bằng tiền:*** Người nộp thuế phải căn cứ vào giá thóc tính thuế nhà đất, đất theo quy định để tính ra chỉ tiêu này. Trường hợp người nộp thuế không tính được, cơ quan thuế sẽ căn cứ giá thóc tính thuế nhà, đất để tính thuế và ra thông báo cho người nộp thuế biết.